

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CÔNG NGHỆ 11

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Bệnh cúm gia cầm là:

- A. Một trong những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhất ở gia cầm
- B. Một trong những bệnh truyền nhiễm ít nguy hiểm nhất ở gia cầm
- C. Một trong những bệnh kí sinh trùng nguy hiểm nhất ở gia cầm
- D. Một trong những bệnh kí sinh trùng ít nguy hiểm nhất ở gia cầm

Câu 2: Đây là một nguồn lây nhiễm rất nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm?

- A. Người từ vùng khác đến
- B. Các loài chim hoang dã
- C. Các thiết bị công nghệ chưa đạt yêu cầu
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 3: Đây là biểu hiện đặc trưng nhất của bệnh cúm gia cầm?

- A. Xuất huyết lan tràn ở đầu
- B. Da chân có xuất huyết đỏ
- C. Tụ máu ở phổi, tim, gan, lách, thận,...
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 4: Cầu trùng gà là bệnh:

- A. Kí sinh trùng
- B. Truyền nhiễm
- C. Sinh sản
- D. Nội khoa

Câu 5: Biểu hiện của bệnh cầu trùng gà chủ yếu ở:

- A. Đường hô hấp
- B. Lưng và cánh
- C. Đường tiêu hoá
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 6: Tùy thuộc vào tuổi gà, loài và số lượng cầu trùng, bệnh cầu trùng gà có 3 thể là:

- A. Rắn, lỏng, khí
- B. Cấp tính, mạn tính và ẩn tính
- C. Vô bội, đơn bội, đa bội
- D. Khít, lỏng lẻo, tách rời nhau

Câu 7: Câu nào sau đây đúng về bệnh cúm gia cầm?

- A. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%
- B. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc
- C. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%
- D. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc

Câu 8: Đây **không** phải biểu hiện đặc trưng của bệnh cúm gia cầm?

- A. Thời gian ủ bệnh từ vài giờ đến vài ngày.
- B. Con vật sốt cao, mệt mỏi, ủ rũ, đi loạng choạng, quay cuồng, khó thở, chảy nước mắt, nước mũi.
- C. Qua thời gian ủ bệnh, từ 1 đến 3 ngày sau thì con vật chết do suy hô hấp và ngạt thở.
- D. Mào hết nước, thâm tím.

Câu 9: Đây **không** phải biện pháp phòng bệnh cúm gia cầm đúng cách?

- A. Dùng đồ bảo hộ lao động
- B. Không ăn sản phẩm gia cầm chưa nấu chín
- C. Không thả rông
- D. Nuôi phối hợp nhiều loại gia cầm với nhau

Câu 10: Gà ở độ tuổi nào có nguy cơ nhiễm bệnh cầu trùng gà cao nhất?

- A. Gà từ 6 đến 60 ngày tuổi
- B. Gà từ 30 đến 180 ngày tuổi
- C. Gà hơn 6 tháng tuổi
- D. Gà hơn 12 tháng tuổi

Câu 11: Thời kì ủ bệnh của bệnh cầu trùng gà kéo dài:

- A. Từ 1 – 2 ngày
- B. Từ 2 – 4 ngày
- C. Từ 4 – 6 ngày
- D. Từ 6 – 10 ngày

Câu 12: Biện pháp nào dưới đây có góp phần bảo vệ môi trường nhiều nhất?

- A. Quản lí chất thải đúng cách

- B. Dùng bảo hộ lao động đầy đủ
- C. Không sử dụng sản phẩm gia cầm chưa nấu chín kỹ
- D. Định kì khám sức khoẻ cho người tham gia chăn nuôi

Câu 13: Đầu **không** phải biện pháp điều trị bệnh cúm gia cầm đúng?

- A. Dùng thuốc đặc trị bệnh cúm gia cầm để giảm thiểu thiệt hại nhiều nhất có thể.
- B. Báo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn.
- C. Cách li triệt để: không giết mổ hoặc di chuyển con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi, cũng không chuyển gia cầm từ nơi khác về.
- D. Tiến hành các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của cán bộ thú y, bao gồm: tiêu huỷ con vật chết và con vật bị bệnh; vệ sinh khử trùng triệt để chuồng trại và phương tiện, dụng cụ bằng biện pháp thích hợp.

Câu 14: Vì sao bệnh cầu trùng gà rất nguy hiểm đối với ngành chăn nuôi gia cầm?

- A. Vì nó có thể làm cho giống gà đó suy giảm về tính chất, thậm chí là tuyệt chủng
- B. Vì nó có thể lây lan rộng và gây thiệt hại lớn về kinh tế
- C. Vì nó rất dễ lây nhiễm sang người và khiến người bị nhiễm chết nhanh chóng
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 15: Đầu là biểu hiện ban đầu của bệnh cầu trùng gà?

- A. Xác gầy, ướm, thiếu máu; manh tràng và ruột non xuất huyết tràn lan và chứa nhiều máu.
- B. Con vật gầy rộc, thiếu máu, mào, da nhợt nhạt, xu lông, sã cánh, mắt nhắm nghiền, bỏ ăn, chết do mất máu và kiệt sức
- C. Phân chuyển sang dạng sấp nâu, phân sống, lẫn máu và cuối cùng phân toàn máu
- D. Gà uống nhiều nước, tiêu chảy với phân chứa thức ăn không tiêu

Câu 16: Câu nào sau đây **không** đúng về các biện pháp phòng và trị bệnh cầu trùng gà?

- A. Giữ cho chuồng nuôi luôn khô ráo, sạch sẽ. Đảm bảo chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp.
- B. Dùng nhiều loại thuốc đặc trị cầu trùng với liều lượng bằng 2 lần liều điều trị để phòng bệnh theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y và nhà sản xuất.
- C. Áp dụng phác đồ điều trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y. Trong đơn thuốc thường có một loại thuốc đặc trị bệnh cầu trùng cho gia cầm kết hợp với các chất bổ trợ khác như glucose, vitamin,...
- D. Nên dùng loại thuốc đặc trị khác với loại đã dùng khi phòng bệnh để đảm bảo cho hiệu quả tốt hơn.

Câu 17: Bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

- A. Bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn gây ra
- B. Bệnh truyền nhiễm mãn tính do vi khuẩn gây ra
- C. Bệnh kí sinh trùng cấp tính do trùng Toxoplasma gây ra
- D. Bệnh kí sinh trùng mãn tính do trùng Toxoplasma gây ra

Câu 18: Bệnh tụ huyết trùng trâu bò thường xảy ra vào thời gian nào?

- A. Mùa xuân
- B. Mùa khô
- C. Mùa mưa
- D. Quanh năm

Câu 19: Một trong những bệnh kí sinh trùng đường máu phổ biến gây thiệt hại nghiêm trọng cho đàn trâu, bò là:

- A. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò
- B. Bệnh chướng hơi dạ cỏ
- C. Bệnh viêm vú
- D. Bệnh tiên mao trùng

Câu 20: Bệnh tiên mao trùng thường xảy ra vào thời gian nào?

- A. Các tháng nóng ẩm, mưa nhiều
- B. Các tháng lạnh lẽo, khô ráo

C. Các tháng nắng nóng, hanh khô

D. Các tháng mưa phùn, giá rét

Câu 21: Đâu **không** phải biểu hiện của con vật bị bệnh chướng hơi dạ cỏ?

A. Dạ cỏ căng to, nhất là ở hõm hông bên trái

B. Lưng hơi lõm xuống

C. Ngừng ăn

D. Khó thở và có thể chết do ngạt thở trong trường hợp cấp tính

Câu 22: Đâu là một nguyên nhân gây nên bệnh chướng hơi dạ cỏ?

A. Môi trường không khí không trong lành, chứa nhiều hạt vi bụi M10.

B. Thức ăn bị nhiễm chất độc acid sulfuric hữu cơ

C. Con vật ăn quá nhiều thức ăn dễ lên men sinh hơi như lá cải bắp, lá khoai lang, ngọn mía, cỏ bị ướt sương hoặc nước mưa,...

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 23: Viêm vú là:

A. Bệnh thường gặp ở trâu, bò cái sinh sản, nhất là bò sữa cao sản và trong điều kiện nóng ẩm như ở Việt Nam.

B. Bệnh thường gặp ở trâu, bò đực, do tuyến vú không phát triển mạnh dẫn đến việc dễ bị tấn công bởi các tác động từ bên ngoài.

C. Bệnh thường gặp ở nữ giới vào những ngày thời tiết nóng nực, thường là do việc không vệ sinh sạch sẽ.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 24: Đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là gì?

A. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết

B. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể

C. Gây xuất huyết ở mọi bộ phận trên cơ thể

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 25: Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

A. Vi khuẩn Gram dương Pasteurella

B. Vi khuẩn Gram dương Peptidoglycan

C. Vi khuẩn Gram âm Pasteurella

D. Vi khuẩn Gram âm Peptidoglycan

Câu 26: Ở thể cấp tính của bệnh tiên mao trùng, con vật có biểu hiện gì?

A. Con vật sốt gián đoạn (ngày sốt, ngày không)

B. Thiếu máu suy nhược kéo dài, mất dần khả năng sản xuất, có thể dẫn đến chết hàng loạt

C. Thường sốt cao, rối loạn thần kinh và chết nhanh

D. Cả A và B.

Câu 27: Trâu, bò bị nhiễm bệnh tiên mao trùng thông qua vật trung gian truyền bệnh là:

A. Các loại ruồi trâu hút máu

B. Các loại châu chấu, sâu bọ

C. Các loại thức ăn không hợp vệ sinh

D. Các loại cỏ đồng

Câu 28: Dưới đây là những biểu hiện của bệnh viêm vú. Ý nào **không** đúng?

A. Bầu vú sưng, nóng, đỏ

B. Sản lượng sữa giảm hoặc mất hẳn

C. Sữa có mùi hôi, chuyển dần sang màu đen

D. Con vật đau đớn nên không cho con bú, không cho vắt sữa

Câu 29: Đâu **không** phải biểu hiện đặc trưng của bệnh tụ huyết trùng trâu bò?

A. Thời gian ủ bệnh từ 10 đến 30 ngày

B. Con vật mệt mỏi, khó thở, sốt cao 41 – 42 °C, đi lại khó khăn

C. Niêm mạc mắt, mũi đỏ sẫm; chảy nước mắt, nước mũi

D. Ban đầu bị táo bón, sau đó tiêu chảy phân lẫn máu và dịch nhầy

Câu 30: Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò có đặc điểm gì?

A. Có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong môi trường khô thoáng, ít chất hữu cơ và nhiều ánh sáng.

B. Có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong môi trường đất ẩm ướt, nhiều chất hữu cơ và thiếu ánh sáng.

C. Có khả năng di chuyển với tốc độ rất cao, khó bị tiêu diệt trong môi trường thông thường.

D. Có khả năng di chuyển với tốc độ rất cao, dễ bị tiêu diệt bởi các loại thuốc sát trùng thông thường

Câu 31: Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Ý nào **không** đúng?

A. Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống.

B. Tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh mỗi năm 2 lần theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.

C. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò có thể điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với thuốc trợ tim.

D. Khi con vật có dấu hiệu nghi ngờ bệnh thì cần báo cho cơ quan thú y để được hướng dẫn cách xử lý và điều trị bệnh.

Câu 32: Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh chướng hơi dạ cỏ. Ý nào **không** đúng?

A. Tránh cho con vật ăn quá nhiều các loại thức ăn dễ lên men sinh hơi.

B. Khi phát hiện bệnh thì cần báo bác sĩ thú y để được tư vấn điều trị kịp thời.

C. Một cách điều trị: Cho con vật nằm kê cao đầu; dùng rơm, cỏ khô chà xát vào vùng hõm hông bên trái; dùng tay kéo lưỡi con vật theo nhịp thở, có thể móc bớt phân ở trực tràng.

D. Bệnh này tuy nhẹ nhưng tuyệt đối không được sử dụng các bài thuốc đông y, dễ gây phản tác dụng

Câu 33: Chẩn đoán di truyền là:

A. Việc sử dụng các xét nghiệm dựa trên chỉ thị phân tử như nucleic acid (DNA, RNA), đoạn gene hay bộ gene hoàn chỉnh của vi sinh vật để chẩn đoán bệnh.

B. Việc sử dụng các xét nghiệm dựa trên chỉ thị nguyên tử như perclonic acid (PDA, HNA), đoạn gene hay bộ gene hoàn chỉnh của vi sinh vật để chẩn đoán bệnh.

C. Việc áp dụng công nghệ gene để khống chế cách hoạt động của vi khuẩn và tế bào trên một mô nhằm xác định bệnh tật.

D. Việc áp dụng công nghệ hoá - sinh để khống chế cách hoạt động của vi khuẩn và tế bào trên cơ thể nhằm xác định bệnh tật.

Câu 34: Ngày nay, PCR được ứng dụng rộng rãi trong xét nghiệm chẩn đoán bệnh cho vật nuôi, nhất là các bệnh do:

A. Kí sinh trùng **B.** Virus và vi khuẩn **C.** Con người **D.** Sự nóng lên toàn cầu

Câu 35: Điều **không** phải ưu điểm của phương pháp PCR?

A. Cho kết quả nhanh **B.** Độ nhạy cao **C.** Thao tác đơn giản **D.** Độ chính xác cao

Câu 36: Điều **không** phải nhược điểm của phương pháp PCR?

A. Các số liệu khó tương thích với các phần mềm máy tính

B. Thiết bị phức tạp, đắt tiền

C. Quy trình kỹ thuật phức tạp

D. Đòi hỏi kỹ thuật viên có kỹ năng cao

Câu 37: Nguồn kháng nguyên sử dụng để sản xuất vaccine bằng công nghệ mới không thể là:

A. Nucleic acid B. Các đoạn gene C. Protein của mầm bệnh D. Vi sinh vật hoàn chỉnh

Câu 38: Kháng sinh được sản xuất từ vi sinh vật **không** bao gồm:

A. Vi khuẩn B. Tế bào hạt nhân C. Xạ khuẩn D. Nấm mốc

Câu 39: Đối với sản xuất kháng sinh theo phương pháp truyền thống, các vi sinh vật được:

- A. Nuôi cấy, nhân lên, sau đó trải qua quy trình phức tạp để chiết tách kháng sinh
- B. Nuôi cấy, nhân lên, sau đó trải qua đun nóng và làm lạnh để chiết tách kháng sinh.
- C. Chiết tách thành kháng sinh dựa trên công nghệ PCR.
- D. Chiết tách thành kháng sinh dựa trên công nghệ sinh học.

Câu 40: Phương pháp PCR là:

- A. Một kỹ thuật không chế hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến
- B. Một kỹ thuật biến đổi hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến
- C. Một kỹ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị nguyên tử được ứng dụng phổ biến
- D. Một kỹ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị phân tử được ứng dụng phổ biến

Câu 41: Điều **không** phải một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

- A. Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi
- B. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi
- C. Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi
- D. Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại

Câu 42: PCR viết tắt từ:

- A. Protein Chain Reaction B. Protein Copy Reproduction
- C. Polymerase Chain Reaction D. Polymerase Copy Reproduction

Câu 43: Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi đem lại cho ngành chăn nuôi lợi ích gì?

- A. Giúp con người không bao giờ phải lo toan đến sức khỏe của con vật nữa
- B. Giúp việc chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả, tốn ít chi phí hơn
- C. Giúp vật nuôi trở nên khỏe mạnh vô cùng, chống chịu được mọi loại bệnh tật.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 44: Số lượng của phương pháp PCR như thế nào?

- A. Chỉ có duy nhất một phương pháp PCR
- B. Có 2 phương pháp PCR với ưu, nhược điểm đối lập nhau.
- C. Có nhiều phương pháp PCR khác nhau với phạm vi ứng dụng, ưu và nhược điểm khác nhau
- D. Có vô vàn phương pháp PCR vì nó dựa trên cấu trúc của các đoạn gene

Câu 46: Điều là một công nghệ mới ứng dụng trong sản xuất vaccine?

- A. Công nghệ vaccine tái tổ hợp B. Kỹ thuật triệt phá virus trao đổi gene
- C. Kỹ thuật tấn công trực diện virus D. Công nghệ sử dụng virus angle

Câu 47: Dưới đây là những lợi ích của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi. Ý nào **không** đúng?

- A. Việc sản xuất vaccine được phát triển nhanh
- B. Quy trình sản xuất được công nghiệp hoá cao, cho ra hàng loạt sản phẩm đồng đều với giá thành thấp
- C. Vaccine được nghiên cứu, sản xuất và sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng, không cần nhiều kiến thức chuyên môn
- D. Vaccine thường có đáp ứng miễn dịch tốt hơn, hiệu quả cao hơn so với vaccine cổ điển

II/ PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy nêu biện pháp phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò.

- Phòng bệnh: Nuôi dưỡng, chăm sóc dùng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống. Tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh mỗi năm 2 lần theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.
- Điều trị: Bệnh tụ huyết trùng trâu bò có thể điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram âm kết hợp với thuốc trợ sức cùng với chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp. Khi con vật có dấu hiệu nghi ngờ bệnh thì cần báo cho cơ quan thú y để được hướng dẫn cách xử lý và điều trị bệnh.

Câu 2: Hãy kể tên một số ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán, phòng, trị bệnh mà em biết.

- Phân tích gen: Phân tích gen giúp xác định chính xác các tế bào, di truyền và dấu vết bệnh tật trong cơ thể. Kỹ thuật này được sử dụng để chẩn đoán các bệnh di truyền, ung thư và các bệnh lý khác.
- Biến đổi gen: Công nghệ biến đổi gen cho phép tạo ra các loài cây và động vật có khả năng chống lại các bệnh tật và sâu bệnh hại, từ đó giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu và giảm thiểu sự lây lan của bệnh tật.
- Kỹ thuật PCR: Kỹ thuật Polymerase Chain Reaction (PCR) được sử dụng để nhân bản các đoạn DNA cụ thể và phát hiện các vi khuẩn, virus hoặc động vật bệnh hại trong môi trường, chẳng hạn như trong nước, thực phẩm hoặc trong cơ thể người.
- Tế bào gốc: Tế bào gốc là những tế bào có khả năng tự phục hồi và chuyển hóa thành các loại tế bào khác. Chúng có thể được sử dụng để điều trị nhiều bệnh khác nhau, từ bệnh Parkinson đến bệnh tim mạch và ung thư.